TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Võ Thành Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Quí, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải và điểm cầu thành phần là phòng trực tuyến của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1985, có mặt.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Minh T, sinh năm 1981, vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Vào năm 2003, chị và chồng tên Lâm Minh T do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2003. Sau khi cưới nhau vợ chồng

sinh sống tại ấp Đ, xã Đ, huyện D. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Minh N, sinh ngày 28/5/2004 và Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh T thường xuyên chơi bời, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi tính tình. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Minh T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lâm Minh N, sinh ngày 28/5/2004 và Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008 hiện đang sống chung với chị; cháu N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm Minh T luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T cũng không có lời khai.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 04/4/2024, em Lâm Minh K trình bày:

Em là con của cha tên Lâm Minh T và mẹ tên Trần Thị Ngọc T. Năm nay em 16 tuổi, em đang học lớp 10, em đang sống với mẹ. Cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung như trong quá trình giải quyết vụ án, không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn anh Lâm Minh T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lâm Minh T; về con chung tên Lâm Minh N, sinh ngày 28/5/2004 đã trưởng thành nên không xem xét, con chung tên Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008 giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất: Không có.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Lâm Minh T; yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Lâm Minh T không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện anh T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh T không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T có mặt; bị đơn anh Lâm Minh T dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2003. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh T đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh T thường xuyên chơi bời, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi tính tình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải được chính quyền ấp cung cấp: Nguyên nhân vợ chồng chị T và anh T mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, chị T có khuyên can nhưng anh T không nghe, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện chị T và anh T đang ly thân.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh T đều vắng mặt, chị T kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh T chung sống với nhau có 02 con tên Lâm Minh N, sinh ngày 28/5/2004 và Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008, cháu N đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T. Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của*

mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con…”. Do đó Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện hiện tại của cháu K.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có tranh chấp nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lâm Minh T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Minh K, sinh ngày 21/10/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng, chị T và anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0001919 ngày 26 tháng 02 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quãng Thanh Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.